TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2017
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương, Cán bộ hưu trí xã Văn Đức, thị xã Chí Linh;

2. Ông Nguyễn Văn Thành, Cán bộ hưu trí xã Văn Đức, thị xã Chí Linh;

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Kim Giang - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2017 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị D**, sinh năm 1964

2. Bị đơn: Ông **Phạm Đắc T**, sinh năm 1959

Đều trú tại: Thôn T, xã B, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương;

Bà D có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 06/6/2017 và các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị D trình bày:

Bà và ông Phạm Đắc T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 25/10/1986, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện Chí Linh (nay là phường B, thị xã Chí Linh), sau lễ cưới vợ chồng chung sống tại thôn T, xã B, thị xã Chí Linh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế và ứng xử trong gia đình. Ông T nhiều lần to tiếng với bà. Từ tháng 9/2016 đến nay bà sống riêng tại gian quán bán hàng, ông T sống riêng tại nhà ở của vợ chồng. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không được. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng của bà

đối với ông T không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Đắc T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Đức M, sinh ngày 20/9/1987; Phạm Đức T, sinh ngày 22/12/1989. Cháu M mất ngày 10/4/2014, cháu T đã trưởng thành và tự lo được cuộc sống bản thân; khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2017 và các buổi làm việc với Tòa án, bị đơn ông Phạm Đắc T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như bà D trình bày với Tòa án là đúng. Ông và bà D sống chung hòa thuận đến khoảng tháng 3/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân trước đó ông để cho bà D quản lý toàn bộ kinh tế gia đình; từ tháng 3/2016 ông quản lý lương hưu của ông và thu nhập do ông lao động làm ra để thuận tiện cho việc chi tiêu cá nhân và gia đình thì bà D không đồng ý, vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn to tiếng với nhau; bà D chuyển sang sống riêng tại quán bán hàng, ông ở nhà ở của vợ chồng; vợ chồng ít nói chuyện với nhau, ít quan tâm đến nhau. Nay bà D xin ly hôn, ông T xác định nếu bà D kiên quyết xin ly hôn ông, ông cũng đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà D trình bày là đúng; do cháu M đã mất ngày 10/4/2014, cháu T đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân; khi ly hôn không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Năm 1996 vợ chồng ông, bà có mua được một mảnh đất ở thôn T hiện đang trồng cây; năm 1995 ông là công nhân Nông trường Chí Linh và được Nông trường giao cho diện tích 1700 m2 đất nhận khoán ở cùng thôn, hiện trên đất đang trồng cây; năm 1997 vợ chồng xây dựng một ngôi nhà mái bằng có gác xép diện tích khoảng 40 m2, xây dựng một quán bán hàng rộng khoảng 60 m2 trên phần đất nhận khoán. Khi ly hôn ông yêu cầu bà D là nguyên đơn phải chủ động yêu cầu Tòa án phải giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Ông T không đồng ý nộp đơn yêu cầu phản tố về chia tài sản chung khi ly hôn.

Tại phiên toà:

- Bà D trình bày yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Đắc T; khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về con chung; về chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà bà hoặc các bên nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn sau.

- Ông Phạm Đắc T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; xử cho bà D được ly

hôn với ông T; Về con chung: Không đặt ra giải quyết. Về tài sản không phải đặt ra giải quyết; Bà D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn, ông Phạm Đắc T không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Đắc T thấy:

Bà Đỗ Thị D và ông Phạm Đắc T kết hôn với nhau ngày 25/10/1986 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Chí Linh nên là hôn nhân hợp pháp. Sau lễ cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 3 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Bà D và ông T đều khai báo phù hợp với nhau về việc vợ chồng có bất đồng quan điểm với nhau về quản lý kinh tế, về cách ứng xử trong gia đình, nhiều lần vợ chồng to tiếng với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 đến nay, ông T sống riêng tại nhà ở, bà D sống riêng tại quán bán hàng, vợ chồng ít nói chuyện với nhau. Hai bên gia đình và Tòa án đã tiến hành hòa giải vận động vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành chứng tỏ hai bên vợ, chồng chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, xử cho bà Đỗ Thị D được ly hôn với ông Phạm Đắc T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Đức M, sinh ngày 20/9/1987; Phạm Đức T, sinh ngày 22/12/1989. Cháu M mất ngày 10/4/2014, cháu T đã trưởng thành, đã kết hôn, tự lo được cuộc sống cho bản thân. Bà D, ông T không yêu cầu giải quyết về con chung nên không phải đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà D có nhà, đất, cây cối và các tài sản khác của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Khi ly hôn bà D không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung. Ông T có yêu cầu giải quyết về việc chia tải sản chung khi ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích và giao cho ông T giấy triệu tập, thông báo nộp đơn phản tố về chia tài sản chung nhưng hết thời hạn mà ông Tòng không nộp đơn yêu cầu phản tố theo quy định tại khoản Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không đặt ra giải quyết về chia tài sản chung khi ly hôn trong vụ án này. Sau khi ly hôn nếu một hoặc các bên có nộp đơn khởi kiện về chia tài sản chung thì được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho bà Đỗ Thị D được ly hôn với ông Phạm Đắc T.

Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đỗ Thị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà D đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0000156, ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Phạm Đắc T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tx. Chí Linh;
- Chi cục THA DS TX Chí Linh;
- UBND xã Bắc an (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Ngọc